**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN VĨNH BẢO**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀ BÌNH**

**BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**“NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRONG VIỆC DẠY PHÉP CHIA CHO HỌC SINH LỚP 3”.**

**Tác giả: Bùi Thị Hai**

**Trình độ chuyên môn: Đại học**

**Chức vụ: Giáo viên**

**Nơi công tác:Trường Tiểu học Hoà Bình**

***Ngày 1 tháng 2 năm 2023***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

**Năm học: 2022 - 2023**

 ***Kính gửi:*** Hội đồng thẩm định sáng kiến kinh nghiệm huyện Vĩnh Bảo

 Họ và tên: Bùi Thị Hai

 Chức vụ : Giáo viên

 Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Hoà Bình

 Tên sáng kiến: ***"Một số biện pháp để nâng cao chất lượng trong việc dạy phép chia cho học sinh lớp 3.”***

Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Dạy học môn toán Tiểu học.

**I. TÓM TẮT TRÌNH TRẠNG GIẢI PHÁP ĐÃ BIẾT**

**1. Ưu điểm:**

- Giáo viên đã đổi mới phương pháp và vận dụng nhiều hình thức tổ chức dạy học giúp học sinh có điều kiện tự rèn luyện kĩ năng cho mình.

- Một số giáo viên có những điều chỉnh, phân tích rất kĩ, mở ra các hướng mới đối với bài tập rèn luyện kỹ năng tính đưa ra trong sách giáo khoa (chẳng hạn dạy qua các trò chơi). Trong quá trình giảng dạy giáo viên biết lựa chọn bài tập hợp lý tuỳ theo đối tượng học sinh.

**2. Hạn chế:**

- Một số giáo viên còn máy móc trong giảng dạy, chưa chú ý phân tích và khai thác triệt để mục tiêu mỗi bài tập rèn luyện kĩ năng tính cho học sinh.

- Trong quá trình hình thành các phép toán nhân, chia ngay sau khi giảng giải và hỏi - đáp, giáo viên thường rút ra công thức phép toán nhưng ít chú ý đến việc cho học sinh nhắc lại hoặc tự rút ra kiến thức mới.

- Nhiều giáo viên không cho học sinh tự củng cố lại: cách đặt tính như thế nào, thực hiện phép chia theo thứ tự ra sao?... Vì thế học sinh rất dễ mắc sai lầm khi thực hiện tính, đặc biệt là đối với những phép chia có số 0 ở thương.

- Nhiều giáo viên cho học sinh luyện tập với không khí buồn tẻ, đơn điệu không kích thích được hứng thú học tập của học sinh.

***\* Giải pháp khắc phục:***

 - Tạo cho học sinh có hứng thú học thuộc lòng bảng nhân, bảng chia, thực hiện thành thạo các phép tính nhân, chia trong bảng.

- Hướng dẫn học sinh tự phát hiện và giải quyết các vấn đề của bài học.

- Hướng dẫn cụ thể để học sinh nắm chắc quy trình thực hiện phép chia.

**II. TÓM TẮT NỘI DUNG GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

**1: Tính mới, tính sáng tạo:**

Đưa ra những giải pháp thích hợp, tối ưu nhất để khắc phục những thiếu sót, nhược điểm của học sinh trong quá trình thực hiện phép chia. Giúp học sinh thực hiện phép chia một cách dễ dàng, sự phát triển kĩ năng tính toán và năng lực tư duy.

**Cụ thể :**

- Học sinh nắm rõ quy trình thực hiện của phép chia theo 4 bước :

( chia - nhân – trừ - kiểm tra số dư)

- Học sinh hào hứng và tự tin học tập. Kết quả học tập tiến bộ rõ rệt.

 **2: Khả năng áp dụng, nhân rộng:**

 ***a. Điều kiện áp dụng:***

- Áp dụng đề tài cho giáo viên dạy học môn Toán lớp 3.

- Giải pháp khả thi và vận dụng được với mọi đối tượng học sinh, tất cả các lớp trong khối 3, từ miền ngược đến miền xuôi. Đặc biệt, các bậc phụ huynh học sinh dễ dàng tham khảo, vận dụng trong kèm cặp, phụ đạo cho học sinh tại nhà.

***b. Phạm vi áp dụng:***

- Ứng dụng ở các trường Tiểu học

**3: Hiệu quả, lợi ích thu được áp dụng giải pháp (hiệu quả kinh tế, xã hội).**

***a.*** ***Hiệu quả kinh tế:***

- Nhà trường không phải đầu tư kinh phí để triển khai sáng kiến này.

- Sáng kiến có hiệu quả giúp học sinh nắm vững kiến thức, nâng cao kĩ năng học Toán, phát huy tính sáng tạo mà không phải tìm tòi, tốn tiền mua thêm sách, các tài liệu tham khảo.

 ***b.*** ***Hiệu quả về mặt xã hội:***

- Học sinh tự tin và chủ động nhiều hơn trong học tập, nâng cao hiệu quả trong học Toán. Cũng từ đó, giáo viên động viên, khích lệ học sinh tiếp tục phát huy sự tìm tòi, tính sáng tạo trong học tập để với các em “mỗi ngày đến trường là một ngày vui”, để “trường học thân thiện, học sinh tích cực” có hiệu quả cao!

***c. Giá trị làm lợi khác:***

Kết quả khảo sát cho thấy chất lượng của học sinh đã được nâng lên rõ rệt.

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN** | ***Vĩnh Bảo, ngày 1 tháng 2 năm 2023*****Người viết đơn****Bùi Thị Hai** |

**BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

**1.Tên sáng kiến:**

**" *Một số biện pháp để nâng cao chất lượng trong việc dạy phép chia cho học sinh lớp 3”***

**2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:** Dạy học môn Toán Tiểu học.

**3.Tác giả:**

Họ và tên: Bùi Thị Hai

Ngày tháng năm sinh: 02/10/1992

Chức vụ: Giáo viên

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Hoà Bình

Điện thoại: 0384655892

**4. Đơn vị áp dụng sáng kiến:**

Tên đơn vị: Trường Tiểu học Hoà Bình

Địa chỉ: Thôn 5- xã Hoà Bình- huyện Vĩnh Bảo - Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225.6553882

**I. MÔ TẢ GIẢI PHÁP ĐÃ BIẾT:**

Nhiệm vụ trọng yếu của môn toán Tiểu học là hình thành cho học sinh kĩ năng tính toán – một kĩ năng rất cần thiết trong cuộc sống, lao động và học tập. Trong đó phép chia các số tự nhiên là một phần nội dung cơ bản, quan trọng trong nội dung số học. Trong các phép tính số học, phép tính chia là khó nhất, phức tạp nhất. Bởi vì trong phép tính chia có các phép tính số học khác. Làm tính chia là thực hiện liên tiếp nhiều phép chia, là vận dụng kĩ năng ước lượng và kĩ năng nhân nhẩm có nhớ, trừ nhẩm có nhớ liên tục nhiều lần. Dạy làm tính chia là một trọng tâm lớn xuyên suốt trong chương trình Toán lớp 2, 3, 4, 5. Dạy phép chia cho học sinh lớp 3 là dạy những kỹ năng rất cần thiết để học lên các cấp học trên (không chỉ trong môn Toán) và để giải quyết những bài toán do thực tiễn cuộc sống đặt ra, qua đó bồi dưỡng phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh giỏi bậc Tiểu học.

**I.1. Giải pháp đã được sử dụng:**

- Nội dung giảng dạy phép chia ở lớp 3 dựa theo tinh thần Sách toán 3- tập 1- Kết nối tri thức với cuộc sống/ trang 72,75: đưa ra bài toán ngược với bài toán ở phép nhân.

Ví dụ:

**Bài toán**: *Rô- bốt chia 56 con cá vào các rổ, mỗi rổ 8 con cá. Hỏi Rô-bốt*

*chia được bao nhiêu rổ cá như vậy?*

Cách giải bài toán này đề cập đến khái niệm phép nhân, phép chia dựa vào

sự phân tích một số thành tổng các số hạng bằng nhau.

Từ việc phân tích bài toán, giáo viên hướng dẫn học sinh cách giải rồi rút ra kết luận.

- Phương pháp giảng dạy: Dựa vào cấu trúc dạng toán trong sách giáo khoa, giáo viên sử dụng phương pháp trực quan (nhất là trong giai đoạn đầu), giảng giải – minh hoạ, gợi mở – vấn đáp khi hình thành khái niệm phép tính; khi thành lập các bảng  tính; hướng dẫn học sinh làm bài tập để định hướng cho học sinh làm bài.

**I.2. Ưu điểm:**

- Cách dạy này phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh nội dung, tạo điều kiện cho việc dạy học phân hoá kết hợp dạy học các kiến thức và kỹ năng toán học với phát triển tư duy và sáng tạo ở người học sinh.

**I.3. Hạn chế:**

**-**  Cách dạy này không đưa ra khái niệm chính xác về phép chia mà đi từ ví dụ cụ thể đến khái niệm phép chia nên học sinh khó hình dung, khó nắm bắt

bản chất của phép chia. Do vậy nhiều học sinh, nhất là học sinh chưa hoàn thnh thường gặp nhiều khó khăn và nhầm lẫn trong việc thực hiện phép chia.

+ Học sinh thường ước lượng thương sai trong phép chia có dư nên dẫn đến tìm được số dư lớn hơn số chia. Chưa nắm rõ “số dư bao giờ cũng nhỏ hơn số chia”.

+ Học sinh học chưa thuộc các bảng chia, kỹ năng trừ nhẩm để tìm số dư còn chưa tốt. Kỹ năng cộng, trừ, nhân, chưa thành thạo nên thường làm chậm, kết quả bài tính bị sai mà các em chưa tìm ra sai sót nhầm lẫn.

+ Khó khăn nhất cho học sinh là bước chia nhẩm để tìm từng chữ số ở thương. Các em thường lúng túng và xác định số lần ở thương không đủ hoặc thừa.

+ Ảnh hưởng một phần tình trạng học sinh mất căn bản, hụt hẫng kiến thức ở giai đoạn đầu hình thành phép chia, nhất là lớp có nhiều HS chưa hoàn thành, giáo viên chưa chú ý phân tích và khai thác triệt để mục tiêu mỗi bài tập rèn luyện kỹ năng tính cho học sinh. Giáo viên có phần bị động, xử lý tình huống từng tiết dạy chưa hiệu quả dẫn đến học sinh khó tiếp thu và chất lượng dạy học chưa cao.

**II. NỘI DUNG GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

**II.1. Nội dung giải pháp:**

**1. Mục tiêu:**

**-** Tìm hiểu một số vấn đề liên quan đến phép chia ở lớp 3.

**-** Một số biện pháp góp phần nâng cao chất lượng cho học sinh lớp 3 thực hiện phép tính chia.

- Đưa ra những giải pháp thích hợp, tối ưu nhất để khắc phục những thiếu sót, nhược điểm của học sinh trong quá trình thực hiện phép chia. Giúp học sinh thực hiện phép chia một cách dễ dàng, sự phát triển kĩ năng tính toán và năng lực tư duy.

**2. Các biện pháp:**

***\* Biện pháp 1: Khảo sát phân loại đối tượng học sinh:***

Để nắm bắt và hiểu rõ khả năng tiếp thu kiến thức về phép chia của từng học sinh, tôi đã tiến hành kiểm tra ( tháng 10) và phân loại học sinh như sau:

**Đề bài:**

Bài 1: (2 điểm) Tính:

18 : 2 = 23 : 5 = 43 : 7 = 17 : 5 =

Bài 2: (3 điểm) Tính:

20 : 4 x 6 = 30 : 5 : 2 = 5 x 6 : 3 =

Bài 3: (2 điểm) Tìm thừa số:

a ) 5 x ? = 55; b) ? x 4 = 84.

Bài 4: (3 điểm)

a) Có 27 bút chì màu chia đều cho 3 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy bút chì màu?

b) Bác Hoa mang 75 quả trứng gà ra chợ bán. Bác chia đều số trứng gà đó vào 3 rổ. Hỏi mỗi rổ có bao nhiêu qura trứng gà?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số học sinh | Hoàn thành tốt( điểm: 9 - 10 ) | Hoàn thành | Chưa hoàn thành(điểm dưới 5) |
| ( điểm: 7 – 8 ) | ( điểm: 5 - 6) |
| 32 | TS | TL% | TS | TL% | TS | TL% | TS | TL% |
| 18 | 56,25% | 10 | 31,25% | 3 | 9,3% | 1 | 3,2% |

***\* Biện pháp 2: Lựa chọn phương pháp phù hợp:***

***a) Phương pháp dạy học nội dung phép chia trong toán 3 theo quan điểm đổi mới***

**-** Dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên, học sinh hoạt động và tự phát hiện, tự giải quyết nhiệm vụ của bài để chiếm lĩnh tri thức mới đồng thời thiết lập được mối quan hệ giữa kiến thức mới và kiên thức đã học.

- Tổ chức cho mỗi học sinh vận dụng kiến thức mới trong sự đa dạng và phong phú của các bài tập thực hành, luyện tập.

**-** Tổ chức cho mỗi học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng thu được trong thực hành, luyện tập ở nhiều hình thức khác nhau.

**-** Giáo viên xác định rõ kiến thức, kĩ năng cần thực hành. Nêu ra tình huống có vấn đề, hướng giải quyết vấn đề.

**-** Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng dạy học.

***b) Cách khắc phục khó khăn trong dạy phép chia ở lớp 3***

**-** Phải chuẩn bị tốt bài dạy.

**-** Dạy học trên cơ sở tổ chức và hướng dẫn các hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh tạo điều kiện để học sinh phát triển giải quyết vấn đề của bài học để có thể lĩnh hội kiến thức mới, có thời gian cho thực hành, luyện tập theo năng lực từng đối tượng học sinh.

**-** Tạo môi trường học tập thân thiện, có tính sư phạm cao; luôn tạo bầu không khí hợp tác và thân thiện giữa giáo viên với học sinh, học sinh với học sinh; khuyến khích sự tham gia của mỗi đối tượng học sinh trong các hoạt động học tập toán; động viên và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.

Ngoài việc thực hiện tốt những điểm nêu trên giáo viên còn cần phải biết phân loại nội dung dạy học phép chia thành từng phần nhỏ để có hiệu quả học tập của học sinh cao hơn.

***\* Biện pháp 3. Hướng dẫn học sinh rèn kĩ năng ước lượng thương:***

Để rèn kĩ năng ước lượng thương thực tế là tìm cách nhẩm nhanh thương của phép chia, ta thường cho học sinh làm tròn số bị chia và số chia để dự đoán chữ số ở thương, sau đó nhân lại để thử. Nếu tích vượt quá số bị chia thì phải rút bớt chữ số đã dự đoán ở thương. Nếu tích còn kém số bị chia thì phải tăng chữ số ở thương. Vậy, muốn ước lượng thương cho tốt yêu cầu học sinh phải thuộc bảng nhân, chia; biết nhân nhẩm, trừ nhẩm nhanh.

**a. Phép chia hết:**

**Ví dụ :** Thực hiện phép chia 35: 5

Hướng dẫn học sinh nhẩm xem số nào nhân với 5 để được 35. (Dựa vào bảng nhân 5 đã học.)

Có trường hợp học sinh chia được 6 thì phải hướng dẫn 6 x 5 = 30, mà số bị chia là 35, vậy cần hướng dẫn học sinh thêm bằng cách gợi ý: “lớn hơn 6 một đơn vị là mấy?” (là 7), vậy 7 x 5 bằng bao nhiêu? (bằng 35). Vậy 35 trừ 35 bằng 0, và ta thực hiện được phép chia 35 : 5 = 7 là phép chia hết; thử lại bằng cách lấy thương nhân với số chia được tích bằng số bị chia.

Vậy 35 : 5 = 7, là phép chia hết.

**b. Phép chia có dư:**

**Ví dụ:** Thực hiện phép chia 31 : 4.

Yêu cầu học sinh nêu tên gọi các số trong phép chia. Hướng dẫn học sinh ước lượng: 8 nhân với 4 bằng bao nhiêu? (bằng 32). Vậy 31 có trừ được cho 32 không? (Không ). Vậy số nhỏ hơn 8 một đơn vị là số mấy?(là 7). Vậy 7 nhân 4 bằng bao nhiêu? (bằng 28). Vậy 31 trừ 28 còn bao nhiêu? (còn 3). Số dư 3 lớn hơn hay nhỏ hơn số chia 4? (nhỏ hơn). Lưu ý học sinh: khi thực hiện phép chia có dư, số dư bao giờ cũng phải nhỏ hơn số chia.

**-** Học sinh thường ước lượng thương sai trong phép chia có dư nên dẫn đến việc tìm được số dư lớn hơn số chia và lại thực hiện chia số dư đó cho số chia. Cuối cùng, tìm được thương lớn hơn số chia.

+ Nguyên nhân của lỗi sai:

Do học sinh chưa nắm vững được quy tắc “số dư bao giờ cũng nhỏ hơn số chia”

Học sinh không thuộc bảng nhân, bảng chia, kỹ năng trừ nhẩm để tìm số dư còn chưa tốt.

+ Cách khắc phục sai lầm:

Khi dạy học sinh cách ước lượng thương trong phép chia, cần lưu ý cho học sinh quy tắc trong phép chia có dư: “số dư bao giờ cũng nhỏ hơn số chia”

Khi dạy về nhân, chia trong bảng, giáo viên cần yêu cầu học sinh phải học thuộc các bảng nhân, bảng chia trước khi dạy chia viết.

Dạy cho học sinh làm tính chia phải được tiến hành từ dễ đến khó, theo từng bước một.

- Một sai lầm nữa thường thấy ở học sinh khi học chia viết là: Các em thường quên chữ số “0” trong phép chia có chữ số “0” ở thương.

+ Nguyên nhân của lỗi sai:

Do học sinh chưa nắm vững được quy tắc thực hiện chia viết “có bao nhiêu lần chia thì có bấy nhiêu chữ số được viết ở thương”.

+ Cách khắc phục sai lầm:

Chỉ duy nhất trong lần chia đầu tiên là được lấy nhiều hơn một chữ số ở số bị chia để chia, còn các lần chia tiếp theo lấy từng chữ số để chia và khi lấy một chữ số để chia thì phải viết được một chữ số ở thương. Bên cạnh đó, nên viết đủ phép trừ ở các lượt chia.

***\*Biện pháp 4. Hướng dẫn học sinh cách nhân khi thực hiện phép chia có dư trong mỗi lượt chia:***

**Ví dụ:** 57 : 6 = ?

**Cách 1:** Đếm ngược từ 57 cho đến khi gặp một tích (hoặc số bị chia) trong bảng nhân 6 (chia 6) : 57; 56; 55; 54.

54 : 6 = 9. Vậy 57 : 6 = 9 (dư 3)

**Cách 2:** Tìm số lớn nhất (không vượt quá 57) trong các tích (số bị chia) của bảng nhân (chia 5) ta được 54; 54: 6 = 9 Vậy 57 : 6 = 9 (dư 3)

***\*Biện pháp 5. Hướng dẫn học sinh làm giảm số bị chia ở mỗi lần chia:***

Nếu số bị chia mà khi chia cho số chia không có trong bảng chia thì ta làm giảm số bị chia (tức là bớt đi 1; 2; 3;… đơn vị ở số bị chia để chia ).

**Ví dụ 1:** 19 : 9 = ?

Muốn ước lượng 19 : 9 = ? Ta làm giảm số bị chia xuống 1 đơn vị là 18 : 9 được 2, sau đó thử lại: 2 x 9 = 18; 19 – 18 = 1 để có kết quả 19 : 9 = 2 (dư 1). Trên thực tế việc làm giảm số bị chia 1; 2 hoặc 3 đơn vị để thử chọn khi chia giúp tìm thương đúng cho mỗi lần chia.

**Ví dụ 2:** 366 : 7 = ?

|  |  |
| --- | --- |
| 366 16 2 | 7  |
| 52 |

- Lần chia thứ nhất: Lấy 36 : 7; 36 : 7 không có trong bảng chia 7, giảm 36 đi 1 đơn vị ta được 35; 35 : 7 = 5, thử lại: 5 x 7 = 35; 36 – 35 = 1.

- Lần chia thứ hai: Hạ 6, thành 16; 16 : 7 không có trong bảng chia 7, giảm 16 đi 1 đơn vị ta được 15; 15 : 7 không có trong bảng chia 7, tiếp tục giảm 15 đi 1 đơn vị ta được 14; 14 : 7 = 2; thử lại: 2 x 7 = 14; 16 – 14 = 2. Ta được kết quả 366 : 7 = 52 (dư 2).

Các bước làm trên được thực hiện thông qua nhân nhẩm, trừ nhẩm. Trong quá trình thực hiện, học sinh chưa nhân nhẩm, trừ nhẩm thành thạo có thể yêu cầu các em làm vào giấy nháp hoặc viết bằng bút chì để có thể sửa lại bằng bút mực. Việc giảm số bị chia có thể giảm lần lượt 1; 2; 3; … đơn vị, khi các em hiểu rõ thì có thể ước lượng 1 lần.

***\* Biện pháp 6: Rèn kĩ năng cho học sinh thông qua hệ thống bài tập.***

**+ Dạng 1: Các bài tập dạng “Chia trong bảng”**

Chia trong bảng thực hiện với phép chia hết, là áp dụng trực tiếp các bảng chia để tìm thương. Học sinh nhớ các bảng chia hoặc bảng nhân để tìm kết quả phép chia. Đây là dạng bài đặc trưng của phép chia, có vị trí đặc biệt quan trọng trong dạy học toán nói chung và dạy học toán lớp 3 nói riêng. Học sinh cần phải thuộc bảng chia, biết chia nhẩm trong phạm vi bảng chia và giải các bài toán có lời văn có liên quan đến bảng chia.

**Ví dụ:** Tính:

56 : 7 = 8; 81 : 9 = 9; 24 : 4 = 6; 35 : 5 = 7; 42 : 6 = 7.

**+ Dạng 2: Các bài tập dạng “Chia ngoài bảng”**

Chia ngoài bảng là phát triển của phép chia trong bảng. Đây là dạng bài mở rộng kiến thức bảng chia. Chia ngoài bảng thực hiện với phép chia có dư, là chia một số có nhiều chữ số cho số có một chữ số và dừng lại ở chia cho số có một chữ số.

***Quy tắc:***

Chia từ trái sang phải, lấy lần lượt từng chữ số của số bị chia từ trái sang phải chia cho số chia (chia từ hàng cao đến hàng thấp), nếu phép chia có dư thì đổi số dư sang hàng thấp liền kề để chia tiếp.

Làm tính chia là thực hiện lần lượt các bước chia từng chữ số của số bị chia theo thứ tự từ trái sang phải.

Mỗi bước chia thực hiện đồng thời thao tác chia, nhân nhẩm, trừ nhẩm, khó nhất là tìm thương của mỗi bước chia.

**Ví dụ 1:**  68 : 4

|  |  |
| --- | --- |
|  68 28 0 | 4  |
| 17 |

+ Lấy 6 chia 4 được 1, viết 1; 1 nhân 4 bằng 4; 6 trừ 4 bằng 2.

+ Hạ 8 (bên phải 2) được 28; 28 chia 4 được 7, viết 7 (bên phải 1); 7 nhân 4 bằng 28; 28 trừ 28 bằng 0.

Phân tích:

- Bước chia thứ nhất: 6 chia cho 4 được 1. Vậy, 6 là “số bị chia riêng”, 1 là “thương riêng”, 2 là “số dư riêng” của bước chia thứ nhất.

- Bước chia thứ hai: Hạ 8 bên phải 2, được 28. Lấy 28 chia cho 4 được 7, viết 7 (bên phải 1); 7 nhân 4 bằng 28; 28 trừ 28 bằng 0. Vậy 28 là “số bị chia riêng”, 7 là “thương riêng”, 0 là “số dư riêng” của bước chia thứ hai. Thương của phép chia bằng 1 chục và 7 đơn vị hay 17.

68 : 4 = 17 (1 chục là thương của bước chia thứ nhất và 7 đơn vị là thương của bước chia thứ hai).

**Ví dụ 2:** 756 : 7

|  |  |
| --- | --- |
| 75605 56 0 | 7  |
| 108 |

+ Lấy 7 chia 7 được 1, viết 1; 1 nhân 7 bằng 7; 7 trừ 7 bằng 0.

+ Hạ 5 (bên phải 0); 5 chia 7 được 0, viết 0 (bên phải 1); 0 nhân 7 bằng 0; 5 trừ 0 bằng 5.

+ Hạ 6 (bên phải 5) được 56; 56 chia 7 được 8, viết 8 (bên phải 0); 8 nhân 7 bằng 56; 56 trừ 56 bằng 0.

Phân tích:

- Bước chia thứ nhất: 7 chia cho 7 được 1. Vậy 7 là “số bị chia riêng”, 1 là “thương riêng”, 0 là “số dư riêng” của bước chia thứ nhất.

- Bước chia thứ hai: Hạ 5 (bên phải 0) được 5; 5 chia 7 được 0, viết 0 (bên phải 1); 0 nhân 7 bằng 0; 5 trừ 0 bằng 5. Vậy 5 là “số bị chia riêng”, 0 là “thương riêng”, 5 là “số dư riêng” của bước chia thứ hai.

- Bước chia thứ ba: Hạ 6 (bên phải 5) được 56; 56 chia 7 được 8, viết 8 (bên phải 0); 8 nhân 7 bằng 56; 56 trừ 56 bằng 0. Vậy 56 là “số bị chia riêng”, 8 là “thương riêng”, 0 là “số dư riêng” của bước chia thứ ba.

- Thương của phép chia bằng 1 trăm, 0 chục và 8 đơn vị hay 108.

756 : 7= 108 (1 trăm là thương của bước chia thứ nhất, 0 chục là thương của bước chia thứ hai và 7 đơn vị là thương của bước chia thứ ba).

**Ví dụ 3:** 489 : 5

|  |  |
| --- | --- |
|  489 39  4 | 5  |
| 97 |

+ Lấy 48 chia 5 được 9, viết 9; 9 nhân 5 bằng 45; 48 trừ 45 bằng 3.

+ Hạ 9 (bên phải 3) được 39; 39 chia 5 được 7, viết 7 (bên phải 9); 7 nhân 5 bằng 35; 39 trừ 35 bằng 4.

Phân tích:

- Bước chia thứ nhất: 48 chia cho 5 được 9. (Cách nhẩm: lấy 5 nhân với 1, rồi nhân với 2, 3, 4, …. 9 để thử chọn tìm thương.)

Vậy 48 là “số bị chia riêng”, 5 là “thương riêng”, 3 là “số dư riêng” của bước chia thứ nhất.

- Bước chia thứ hai: Hạ 9 (bên phải 3) được 39; 39 chia 5 được 7 ( cách nhẩm tương tự như tìm thương ở lượt chia thứ 1), viết 7 (bên phải 9); 7 nhân 5 bằng 35; 39 trừ 35 bằng 4. Vậy 39 là “số bị chia riêng”, 5 là “thương riêng”, 4 là “số dư riêng” của bước chia thứ hai.

 489 : 5 = 97 (dư 4 )

**Kết luận:** Khi dạy làm tính chia, giáo viên cần làm chậm, phân tích kĩ để học sinh nắm vững từng thao tác trong mỗi bước chia:

- Thực hiện chia từ trái sang phải.

- Xác định số bị chia riêng cho mỗi bước tính, bắt đầu từ chữ số ở hàng cao nhất của số bị chia.

- Từ số bị chia và số chia, tính nhẩm để tìm thương riêng.

- Nhân thương với số chia, lấy số bị chia riêng trừ tích của thương và số chia.

- Hạ chữ số hàng thấp hơn liền kề bên phải hiệu, được số bị chia riêng để chia tiếp và làm tương tự cho đến kết thúc phép chia.

Các thuật ngữ: “số bị chia riêng”, “thương riêng” giúp giáo viên hiểu từng thành phần trong mỗi bước chia hơn mà không sử dụng đối với học sinh.

***Khi chia ngoài bảng, phải có bảng nhân làm cơ sở mới làm tính chia và phải nhân nhẩm nhiều lần mới tìm được thương của mỗi bước chia.***

**+Dạng 3: Các bài tập dạng tìm thành phần chưa biết của phép tính nhân và phép tính chia.**

Giúp học sinh khái quát lại kiến thức và áp dụng mở rộng kiến thức đã đạt được.

**Ví dụ 1:** Tìm thừa số?:

a. ? x 4 = 32; b. 5 x ? = 45.

- Yêu cầu học sinh xác định yêu cầu bài, thành phần trong phép tính.

? Cách tìm thừa số? (lấy tích chia cho thừa số kia).

a. ? x 4 = 32 ; b. 5 x ? = 45.

 ? = 32 : 4 ? = 45 : 5

 ? = 8 ? = 9

**Ví dụ 2:** Tìm số chia?

a. 12 : ? = 2; b. 42 : ? = 6

- Yêu cầu học sinh xác định thành phần trong phép tính, nêu lại **c**ách tìm số chia (lấy số bị chia chia cho thương).

a. 12 : ? = 2; b. 42 : ? = 6

 ? = 12 : 2 ? = 42 : 6

 ? = 6 ? = 7

**+ Dạng 4: Các bài tập dạng tính giá trị của biểu thức (có liên quan đến phép chia).**

***Quy tắc:***

**-** Biểu thức chỉ có phép tính nhân và chia hoặc cộng và trừ: ta thực hiện phép tính từ trái qua phải.

- Biểu thức có các phép tính nhân, chia, cộng, trừ: ta thực hiện phép tính nhân chia trước, cộng trừ sau.

- Biểu thức có chứa dấu ngoặc đơn: Ta làm các phép tính trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.

**Biểu thức không có dấu ngoặc:**

**Ví dụ 1:** Tính giá trị của biểu thức (SGK Toán 3/ tập 1/ Kết nối tri thức với cuộc sống trang 106):

1. 30 : 5 x 2 b) 24 : 4 x 6 c) 30 : 6 : 3

**-** Biểu thức chỉ có phép tính nhân và chia hoặc cộng và trừ: ta thực hiện phép tính từ trái qua phải.

a) 30 : 5 x 2 = 6 x 2; b) 24 : 4 x 6 = 6 x 6; c) 30 : 5 : 3 = 6 : 3

 = 12 = 36 = 1

**Ví dụ 2:** Tính giá trị của biểu thức:

a) 64 : 8 + 30 b) 306 + 93 : 3

- Biểu thức có các phép tính nhân, chia, cộng, trừ: ta thực hiện phép tính nhân chia trước, cộng trừ sau.

a) 64 : 8 + 30 = 8 + 30 b) 306 + 93 : 3 = 306 + 31

 = 38 = 337

**Biểu thức có chứa dấu ngoặc:**

- Biểu thức có chứa dấu ngoặc đơn: Ta làm các phép tính trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.

**Ví dụ:** Tính giá trị của biểu thức:

1. 48 : (6 : 3) b) 81 : (3 x 3)

Hướng dẫn:

1. 48: (6 : 3) = 48 : 2 b) 81 : (3 x 3) = 81 : 9

 = 24 = 9

**+ Dạng 5: Các bài tập dạng so sánh biểu thức (có liên quan đến phép chia).**

**Ví dụ 1:** Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 180 : 6 + 30 = 60 b) 180 + 30 : 6 = 35

 282 – 100 : 2 = 91 282 – 100 : 2 = 232

Hướng dẫn:

a) 180 : 6 + 30 = 60 (Đ) b) 180 + 30 : 6 = 35 (S)

 282 – 100 : 2 = 91 (S) 282 – 100 : 2 = 232 (Đ)

**Ví dụ 2:** >, <, = ?

 30 … (70 +23) : 3 120 … 484 : (2 + 2)

Hướng dẫn:

 30 < (70 +23) : 3 120 < 484 : (2 + 2)

**+ Dạng 6: Các bài tập dạng giải toán có lời văn (có liên quan đến phép chia).**

**-** Học sinh đọc kỹ đề bài, phân tích đề bài. Giải và trình bày bài giải.

**Ví dụ 1:**

Một con lợn cân nặng 120 kg, một con ngỗng cân nặng 6 kg. Hỏi con lợn cân nặng gấp mấy lần con ngỗng?

- Học sinh đọc bài toán và phân tích bài toán.

- Bài toán thuộc dạng toán nào? (Số lớn gấp mấy lần số bé).

- Muốn biết con lợn cân nặng gấp mấy lần con ngỗng ta làm thế nào? (Ta lấy số cân nặng của con lợn chia cho số cân nặng của con ngỗng ).

- Trình bày bài giải.

Bài giải:

Con lợn cân nặng gấp số lần con ngỗng là:

 42 : 6 = 7 (lần)

 Đáp số: 7 lần.

**Ví dụ 2:** (bài 3/111 sgk Toán- KNTT)

Con bê cân nặng 120kg, con bò nặng gấp 3 lần con bê. Hỏi cả hai con cân nặng bao nhiêu ki – lô - gam?

Học sinh đọc kỹ bài toán và trả lời câu hỏi.

- Bài toán cho biết gì?

(Con bê cân nặng 120kg, con bò nặng gấp 3 lần con bê).

- Bài toán hỏi gì? (Hỏi cả hai con cân nặng bao nhiêu ki – lô – gam?).

- Bài toán thuộc dạng toán nào?

- Trình bày bài giải.

Bài giải:

Con bò nặng số ki – lô – gam là:

 120 x 3 = 360 (kg)

Cả hai con cân nặng số ki- lô- gam là:

 120 + 360 = 480 (kg)

 Đáp số: 480 ki- lô- gam.

**II.2.Tính mới, tính sáng tạo**

Đưa ra những giải pháp thích hợp, tối ưu nhất để khắc phục những thiếu sót, nhược điểm của học sinh trong quá trình thực hiện phép chia. Giúp học sinh thực hiện phép chia một cách dễ dàng, sự phát triển kĩ năng tính toán và năng lực tư duy.

**1. Tính mới:**

- Thông qua hệ thống bài tập, giáo viên rút ra khái niệm phép chia, khắc sâu cho học sinh về bản chất của phép chia.

- Giúp học sinh hình thành quy tắc chia ngoài bảng ( ngược với quy tắc nhân).

- Khắc sâu kĩ thuật chia bằng cách phân tích các bước chia, làm rõ thao tác chia.

- Củng cố lại bản chất của phép chia và kĩ thuật chia thông qua các dạng bài tập.

- Tạo hứng thú, sự thi đua cho học sinh để ghi nhớ các kiến thức đã học.

**2. Tính sáng tạo:**

- Rèn kĩ năng ước lượng thương cho học sinh bằng cách lập bảng nhân làm cơ sở tính chia, phải nhân nhẩm nhiều lần mới tìm được thương của mỗi bước chia.

- Khi chia cho số nào, phải có bảng nhân của số đó.

- Lập bảng nhân một lần, sử dụng nhiều lần.

- Có bảng nhân, học sinh chỉ nhìn bảng để chọn thương, bớt hàng chục

lần nhân nhẩm.

- Lập bảng nhân số có hai chữ số là cơ hội để học sinh nắm vững phép

nhân, rèn luyện kĩ năng làm tính nhân.

- Học sinh hiểu rõ vai trò của phép nhân trong thực hiện phép tính chia.

 Mục tiêu cuối cùng là học sinh biết ước lượng thương để làm tính. Để biết ước lượng phải qua trải nghiệm, mò mẫm, thử và sai để hình thành và hoàn thiện kĩ năng.

**II.3.**  **Khả năng áp dụng, nhân rộng**

**1. Điều kiện áp dụng:**

- Áp dụng đề tài cho giáo viên dạy học môn Toán lớp 3.

- Giải pháp khả thi và vận dụng được với mọi đối tượng học sinh, tất cả các lớp trong khối 3, từ miền ngược đến miền xuôi. Đặc biệt, các bậc phụ huynh học sinh dễ dàng tham khảo, vận dụng trong kèm cặp, phụ đạo cho học sinh tại nhà.

**2. Phạm vi áp dụng:**

- Ứng dụng ở các trường Tiểu học trong toàn quốc.

**II.4. Hiệu quả, lợi ích thu được do áp dụng giải pháp**

 ***a. Hiệu quả kinh tế:***

- Nhà trường không phải đầu tư kinh phí khi giáo viên triển khai sáng kiến này.

- Sáng kiến có hiệu quả giúp học sinh nắm vững kiến thức, nâng cao kĩ năng học Toán, phát huy tính sáng tạo mà không phải tìm tòi, tốn tiền mua thêm sách, tài liệu tham khảo.

 ***b. Hiệu quả về mặt xã hội:***

Từ việc học sinh biết vận dụng bảng nhân, bảng chia vào làm tính và giải toán, nắm chắc quy trình thực hiện phép nhân, phép chia, các em tự tin và chủ động nhiều hơn trong học tập, nâng cao hiệu quả trong học Toán. Từ đó các em tiếp tục phát huy sự tìm tòi, tính sáng tạo trong học tập để với các em “mỗi ngày đến trường là một ngày vui”, để “trường học thân thiện, học sinh tích cực” có hiệu quả cao!

***c. Hiệu quả về học tập:***

Qua quá trình vừa nghiên cứu chuyên đề vừa áp dụng vào thực tế giảng dạy, tôi nhận thấy rằng những phương pháp dạy học mà tôi áp dụng đã có những kết quả đáng mừng.

Qua số liệu thống kê chất lượng kiểm tra định kì riêng môn toán của lớp tôi, chất lượng có sự tiến bộ rõ rệt.

**Kết quả khảo nghiệm tại lớp 3C như sau:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số bài | Mức đạt đượcThời gian | Đầu năm | Cuối kì I | So sánh |
| Số em | Tỉ lệ % | Số em | Tỉ lệ % | Số em | Tỉ lệ % |
|  32 | HT Tốt | 16 | 48,38 % | 28 | 90,3 % | Tăng 12 em | Tăng 41,9% |
| Hoàn thành | 15 | 48,38 % | 4 | 9,7 % | Giảm 11 em | Giảm 38,6% |
| Chưa hoàn thành | 1 | 3,24 % | 0 | 0% | Giảm1 em | Giảm 3,24% |

 Kết quả trên đã chứng minh được chuyên đề của tôi đã có hiệu quả, đi đúng theo sự chỉ đạo của nhà trường và của ngành đề ra. Cho đến nay, tôi vẫn tiếp tục thực hiện và phát huy những mặt đã đạt được, khắc phục những mặt còn tồn đọng để nâng cao chất lượng dạy học hơn nữa.

**3. Cam kết bản quyền**

Bản mô tả sáng kiến trên là của cá nhân tôi, tôi tự đúc rút và mô tả lại trong quá trình giảng dạy.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của đơn vị áp dụng****sáng kiến** | ***Vĩnh Bảo, ngày 1 tháng 2 năm 2023*****Tác giả sáng kiến** |

 **Bùi Thị Hai**